

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 32/2020/HS-ST

Ngày 15/7/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thu Hiền.

2. Ông Cà Mạnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2020/HSST ngày 18 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Quàng Văn L** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1977 tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: Không học; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quàng Văn P, sinh năm 1954 và bà: Lò Thị V, sinh năm 1956; có vợ: Cà Thị T, sinh năm 1976 và có 03 con, con lớn nhất, sinh năm 1995, con nhỏ nhất, sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2- Họ và tên: **Quàng Văn T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04/9/2001 tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12 PT; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn L, sinh năm 1977 và bà Cà Thị T, sinh năm 1976; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

1- Bà Cà Thị K, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Có mặt.

2- Anh Lò Văn P, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

3- Anh Nạ Văn H, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

4- Anh Vì Văn D, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- **Người phiên dịch:** Bà Lò Thị N, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ dân cư số 04, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quàng Văn L nhiều lần rủ con trai Quàng Văn T đi trộm trâu bò, bán lấy tiền trả nợ nhưng Quàng Văn T không đồng ý. Đến chiều ngày 10/12/2019 L nói với T sáng mai (tức ngày 11/12/2019) đi cùng L lên khu vực S nơi giáp ranh giữa bản H, xã H với bản C, xã P, huyện Đ để bắt cá, T đồng ý. Sáng ngày 11/12/2019 L chuẩn bị 03 đoạn dây thừng màu trắng, mỗi đoạn khoảng 03 mét, 01 gói cơm cho vào túi khoác màu đen, còn T chuẩn bị 01 chài đánh cá và 01 lưới bắt cá cho vào cốp xe máy. Sau đó Quàng Văn L điều khiển xe máy chở Tn đến khu vực trên đánh bắt cá rồi nướng cá ăn cơm trưa. Sau khi ăn cơm xong Quàng Văn L, Quàng Văn T nhìn thấy 01 đàn trâu đang nằm bên kia sông thuộc khu vực bản C, xã P, huyện Đ, Quàng Văn L liền nảy sinh ý định trộm trâu và nói với T đi cùng bố bắt trộm trâu, T không đồng ý, nhưng L nói cứ làm theo bố đi, bố không để con liên quan có gì bố chịu hết. Nghe vậy, T đồng ý rồi cùng L bơi qua sông Mã sang phía đàn trâu đang nằm, L dùng giây thừng buộc dắt 3 con trâu to nhất đàn đi, còn T đuổi 6 con trâu nhỏ hơn theo sau, bơi qua sông Mã, dắt đàn trâu về lán ruộng của gia đình L, ở khu vực bản P, xã M, huyện Đ là vào 2 giờ sáng ngày 13/12/2019, rồi buộc đàn trâu tại lán và cả hai đi bộ về nhà. Khoảng 05 giờ sáng ngày 13/12/2019 Quàng Văn L đi mượn xe máy của Lương Thị X chở T quay lại khu vực trộm cắp trâu lấy xe máy về nhà, về đến nhà Quàng Văn L bảo T đi lên lán ruộng xem trâu, còn L liên lạc với Lương Văn Q, Lương Văn C là người mua trâu bò đến xem. Sau khi Q, C, Quàng Văn L thỏa thuận bán 09 con trâu cho Lương Văn Q, Lương Văn C giá 168.000.000đ. Sau khi bán được trâu Quàng Văn L đem toàn bộ số tiền 168.000.000đ về nhà đưa cho Cà Thị T (vợ Quàng Văn L). Ngày 19/12/2019, Quàng Văn L lấy 50.000.000đ cùng với Quàng Văn T đi ra thành phố Đ, tỉnh Điện Biên mua 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA WINNERX, biển kiểm soát 27B1-985.27 với giá 47.000.000đ và chi tiêu cá nhân hết 3.000.000đ, ngoài ra L lấy tiền chi trả tiền sửa nhà, chi tiêu khác từ số tiền trộm cắp. Số tiền còn lại là 103.500.000đ L giấu vào trong bì thóc của gia đình. Số tiền này, cơ quan Công an khám xét nhà đã thu giữ. Cơ quan điều tra xác định 9 con trâu trên là của các bị hại Nạ Văn H mất 01 con trâu đực 04 tuổi; Vì Văn D bị mất 01 con trâu cái 10 tuổi và 03 con trâu cái 03 tuổi; Lò Văn P bị mất 01 con trâu cái 10 tuổi, 01 con trâu cái 04 tuổi đang chữa và 02 con trâu cái 02 tuổi.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/QĐ ngày 25/12/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng kết luận như sau: Tại thời điểm tháng 12/2019 tổng số

tài sản (09) con trâu mà Quảng Văn L và Quảng Văn T bắt trộm bán có tổng giá trị là 188.140.000đ. Cụ thể từng con trâu của các bị hại như sau:

+ 01 con trâu đực 04 tuổi, màu lông đen của gia đình anh Nạ Văn H trị giá 31.970.000đ;

+ 01 con trâu cái 10 tuổi và 03 con trâu cái 03 tuổi, màu lông đen của gia đình anh Vì Văn D có tổng giá trị là 71.760.000đ;

+ 01 con trâu cái 10 tuổi ; 01 con trâu cái 04 tuổi và 02 con trâu cái 02 tuổi, màu lông đen của gia đình anh Lò Văn P tổng trị giá 84.410.000đ.

Ngoài lần trộm 9 con trâu như trên, Quảng Văn L không nhớ cụ thể ngày nhưng cách ngày bị bắt (25/12/2019) khoảng 4 đến 5 ngày, Quảng Văn L một mình ở lán nương của gia đình, tại bản P, xã M, huyện Đ nhìn thấy một con trâu cái liền nảy sinh trộm giết thịt, L một mình đuổi con trâu rơi xuống vực, dùng một hòn đá đập vào đầu con trâu cho chết hẳn rồi dùng chiếc dao nhọn mang theo mổ lọc thịt mang về nhà cắt ăn dần, còn đầu, da, xương, nội tạng cho vào bao tải dùng xe máy mang vứt xuống sông Mã gần bãi tha ma. Qua khám xét nhà CSĐT Công an huyện Đ đã thu giữ 25,8 kg thịt trâu được ướp đá bỏ trong bao thóc trong nhà L. Con trâu cái bị L giết thịt khoảng 1 tuổi, được xác định là của bà Cà Thị K. Số thịt trâu thu được, cơ quan điều tra tiến hành định giá và bán thu được 1.277.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/QĐ, ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, xác định con trâu cái 01 tuổi Quảng Văn L trộm của bà Cà Thị K vào thời điểm tháng 12 năm 2019 trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Điện Biên có trị giá 5.200.000đ.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng sau: 01 xe máy HONDA WINNER X, màu đen - xám, biển kiểm soát 27B1-98.27; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu FPT và 01 hòn đá không rõ hình dạng kích thước dài nhất 20 cm, rộng nhất 10 cm, trọng lượng 2,5 kg.

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra công an huyện Đ đã thu giữ: 103.500.000đ khi khám xét nhà bị cáo Quảng Văn L; gia đình bị cáo L nộp cho cơ quan điều tra số tiền 64.500.000đ để bồi thường cho bị hại; cơ quan điều tra bán 25,8 kg thịt trâu thu tại gia đình bị cáo thu được 1.277.000đ. Tổng số tiền cơ quan công an huyện Đ đã thu giữ là 169.277.000đ. Toàn bộ số tiền trên, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 06; 12; 13 ngày 04/5/2020 trả lại cho các bị hại. Cụ thể, bị hại Nạ Văn H đã nhận 32.000.000đ; bị hại Lò Văn P đã nhận 68.000.000đ; bị hại Vì Văn D đã nhận 68.000.000đ và bị hại Cà Thị K đã nhận 1.277.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đề xuất xử lý đối với những người liên quan như sau:

Lường Văn Q, sinh năm 1980, trú tại bản K, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La và Lường Văn C, sinh năm 1993, trú tại bản T, huyện S, tỉnh Sơn La. Hai người đã góp tiền mua 09 con trâu của Quảng Văn L, Quảng Văn T trộm cắp mà có nhưng

Lường Văn Q, Lường Văn C không biết 09 con trâu mua của L, T là do trộm mà có. Số trâu trên đã bán đi cho người khác không biết địa chỉ cụ thể. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với Cà Thị T, sinh năm 1976, trú tại bản P, xã M, huyện Đ là vợ của bị cáo Quảng Văn L. Quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã làm rõ Cà Thị T biết số tiền chồng đưa là tiền bán trâu trộm mà có và đồng ý cất giấu hộ cho chồng. Cơ quan điều tra đã áp dụng Khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Hình sự không đề cập xử lý T về hành vi không tố giác tội phạm.

Đối với Cà Văn H, sinh năm 1994, trú tại bản P, xã M, huyện Đ là người đã mua chiếc xe máy biển kiểm soát 27U1-054.48, do bị cáo Quảng Văn L dùng làm phương tiện đi trộm trâu nhưng hiện nay H đi làm thuê mang chiếc xe máy trên đi theo không rõ ở đâu. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không lấy lời khai được, nên không đề cập xử lý trong hồ sơ vụ án.

Đối với Lường Thị X là người cho Quảng Văn L mượn xe máy. Quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã làm rõ, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với Lầu Sáy C được Lường Văn Q nhờ đi xem trâu. Quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã làm rõ, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với con dao nhọn dài khoảng 25-30cm bị cáo Quảng Văn L dùng để giết trộm con trâu của bà Cà Thị K. Quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không thu giữ được, do bị cáo không nhớ để ở đâu.

Đối với phần da, đầu, chân, nội tạng của con trâu bị cáo trộm giết, bị cáo Quảng Văn L cho vào bao tải vứt xuống sông Mã, khu vực bãi tha ma của bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không phát hiện được.

Đối với 03 đoạn dây thừng màu trắng các bị cáo Quảng Văn L, Quảng Văn T dùng để bắt trộm trâu dắt về bán cho Q và C, số dây thừng trên đi theo đàn trâu nên không thu giữ được,.

Tại Cáo trạng số: 32/CT-VKS.ĐBĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố Quảng Văn L, Quảng Văn T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Quảng Văn L, Quảng Văn T về tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về trách nhiệm hình sự:*

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 5; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Quảng Văn L từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 5; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Quảng Văn T 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ cho các bị hại; các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

- *Về vật chứng:* Đề nghị Tòa án trả lại 01 chiếc xe máy HONDA WINNER X, màu đen - xám, biển kiểm soát 27B1-98.27 cho bị cáo Quảng Văn T; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu FPT. Tịch thu tiêu hủy 01 hòn đá không rõ hình kích thước dài nhất 20 cm, rộng nhất 10 cm, trọng lượng 2,5 kg.

- *Về án phí:* Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo Quảng Văn L mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Quảng Văn T xin Hội đồng xét xử cho hưởng án treo như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị hại bà Cà Thị K có lời khai thể hiện rõ thời gian tháng 12/2019 gia đình bà bị mất một con trâu cái, gần một tuổi, chăn thả tại khu vực bản P, xã M, huyện Đ. Sau này, bị cáo Quảng Văn L là con rể của bà khai nhận đã bắt trộm giết thịt. Bà đã được gia đình bị cáo L bồi bồi thường số tiền 3.922.000đ và cơ quan công an trả 1.277.000đ. Tổng bà nhận 5.199.000 như vậy là đủ giá trị của con trâu bị giết trộm, bà không yêu cầu bị cáo L bồi thường gì thêm và bà K có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Tại phiên tòa, bị hại Nạ Văn H; Lò Văn P có lời khai thống nhất bị mất trâu tại khu vực bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên như lời khai của bị cáo Quảng Văn L và Quảng Văn T.

Bị hại Nạ Văn H khai gia đình bị mất 01 con trâu đực bốn tuổi, màu lông đen trị giá theo định giá tài sản là 31.970.000đ. Bị hại đã được cơ quan điều tra trả 32.000.000đ và gia đình bị cáo bồi thường tiền công đi tìm trâu 3.000.000đ. Như vậy bị hại đã nhận đủ số tiền bị thiệt hại, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị hại Lò Văn P khai mất 04 con trâu (01con trâu cái mười tuổi ; 01 con trâu cái bốn tuổi và 02 con trâu cái hai tuổi) định giá xác định tổng giá trị là 84.410.000đ. Bị hại đã được cơ quan điều tra đã trả 68.000.000đ, số tiền còn lại là 16.410.000đ và 3.000.000đ tiền công đi tìm trâu gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại, gia đình bị cáo còn tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại 5.000.000đ tiền con nghé con sắp đẻ. Do đó, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị hại Vì Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện, gia đình bị mất 04 con trâu (01 con trâu cái mười tuổi và 03 con trâu cái ba tuổi) định giá xác định tổng giá trị 71.760.000đ. Bị hại đã được cơ quan điều tra trả 68.000.000đ, còn 3.760.000đ và 3.000.000đ tiền công đi tìm trâu gia đình bị cáo đã bồi thường đủ và còn tự nguyện bồi thường cho bị hại 5.000.000đ là tiền con nghé con bị chết vì mẹ bị bắt trộm, Do đó, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét sự vắng mặt của bị hại Vì Văn D tại phiên tòa hôm không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, phần bồi thường cho bị hại đã giải quyết xong, do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại D theo khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Xét về hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể các bị cáo khai nhận vào ngày 11/12/2019, tại khu vực S nơi giáp ranh giữa bản H, xã H với bản C, xã P, huyện Đ Quảng Văn L rủ con là Quảng Văn T bắt trộm 09 con trâu. Cả hai đã thực hiện trót lọt và mang bán 09 con trâu cho Lường Văn Q, Lường Văn C thu được 168.000.000đ. Có được số tiền này, Quảng Văn L đã dùng mua một chiếc xe máy, trả tiền sửa nhà và chi tiêu cá nhân còn lại 103.500.000đ bị Công an thu giữ.

Ngoài ra, Quảng Văn L khai nhận một mình thực hiện hành vi trộm cắp 01 con trâu cái, màu lông đen của bà Cà Thị K, trú tại bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên mổ thịt mang về nhà cất giấu để ăn dần. Số thịt trâu còn lại bị cáo cất giấu tại nhà đã bị thu giữ có khối lượng là 25,8 kg.

Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp và phù hợp với lời khai của các bị hại; các vật chứng thu giữ được tại nhà các bị cáo, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Quảng Văn L và Quảng Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác; hành vi lén lút này thể hiện ở việc lợi dụng phong tục tập quán chăn thả gia súc không có người trông coi, các bị cáo đã bắt trộm trâu mang đi bán; mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Tại phiên tòa bị cáo L khai do hoàn cảnh gia đình nợ nần nhiều nên mới nghĩ quẩn dẫn đến hành vi phạm tội; bị cáo T khai do bố rủ nhiều lần nên thực hiện theo. Nhưng các bị cáo đều là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà bất chấp gây thiệt hại tài sản cho người khác, tài sản mà các bị cáo trộm bán trong vụ án này là những con trâu của người nông dân, được xác định là tài sản có giá trị lớn, là sinh kế của người nông dân. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây bức

xúc trong nhân dân, gây mất ổn định an toàn xã hội, hành vi của các bị cáo đáng bị lên án và trừng trị nghiêm minh.

Bị cáo Quảng Văn L phải chịu trách nhiệm đối với tổng giá trị tài sản trộm cắp của hai lần là 193.340.000đ (lần thứ nhất cùng Quảng Văn T trộm 09 con trâu trị giá 188.140.000đ; lần thứ hai một mình trộm 01 con trâu trị giá 5.200.000đ); còn bị cáo Quảng Văn T phải chịu trách nhiệm đối với số tài sản trộm cắp trị giá là 188.140.000đ trong lần đi trộm 09 con trâu với Quảng Văn L. Với giá trị tài sản mà các bị cáo trộm được xác định như trên đã đủ kết luận: bị cáo Quảng Văn L và Quảng Văn T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại Điều c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”.

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo là đúng quy định của pháp luật, không oan sai.

[2] Xét tính chất; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, tuy nhiên xét vai trò, trách nhiệm của các bị cáo có khác nhau. Bị cáo Quảng Văn L là người trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo cũng là người chủ mưu khi đưa ra ý kiến, cách thức tiến hành trộm trâu và chủ động trong việc thỏa thuận bán, sử dụng số tiền bán trâu; bị cáo cũng là người xúi dục, lôi kéo chính bị cáo Quảng Văn T là con trai bị cáo vào vụ trộm cắp trâu. Cho nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính, phải bị nghiêm trị làm gương.

Còn bị cáo Quảng Văn T là người thực hành, giúp sức cho bị cáo Quảng Văn L trong thực hiện tội phạm, mặc dù biết rõ hành vi của mình và của đồng phạm khác là vi phạm pháp luật nhưng không can ngăn mà đồng ý thực hiện tội phạm và cùng được hưởng lợi trong việc trộm cắp đó thể hiện là việc được dùng tiền bán tài sản trộm cắp mua xe máy hết 47.000.000đ. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi mà mình đã thực hiện.

Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng và là hành vi nguy hiểm cho xã hội cần phải bị xử lý nghiêm minh.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tác động đến gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho những bị hại, thể hiện là gia đình của các bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền còn thiếu mà các bị cáo bán trộm trâu chi tiêu và tiền công đi tìm trâu cho các bị hại; các bị hại đều có lời khai xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Riêng, bị cáo Quảng Văn L đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm do vậy phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Quảng Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có mối quan hệ là cha con; cùng sinh ra, lớn lên nơi có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; bản thân bị cáo Quảng Văn L là người bố, là chủ gia đình nhưng không làm gương cho con cái noi theo, mọi lập luận của bị cáo đổ tội cho hoàn cảnh gia đình nợ nần nhiều dẫn đến túng quẫn không thể chấp nhận được, chỉ vì mong muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân, muốn có tiền nhanh chóng nên bị cáo đã cố ý nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản và còn thúc ép con mình thực hiện theo. Do đó, cần xử lý nghiêm minh làm bài học giáo dục răn đe, phòng ngừa chung. Viện kiểm sát đề xuất mức hình phạt từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù là phù hợp cần chấp nhận.

Xét nhân thân của bị cáo Quảng Văn T thấy rằng tuổi đời còn rất trẻ (gần 19 tuổi), bị cáo mới tốt nghiệp trung học phổ thông; từ trước tới nay chưa vi phạm pháp luật lần nào; trong lần phạm tội này là do sự thúc ép của chính bố đẻ nên dù hiểu rõ hành vi của bản thân và đồng phạm là vi phạm pháp luật nhưng không đủ bản lĩnh can ngăn. Hội đồng xét xử xét thấy với tình tiết giảm nhẹ như phân tích trên và nhân thân của bị cáo cũng như tính chất mức độ phạm tội của bị cáo Quảng Văn T không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà để bị cáo tự cải tạo là không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo được hưởng án treo.

Khi áp dụng án treo bị cáo Quảng Văn T phải chấp hành thời gian thử thách trong thời hạn nhất định và giao cho Ủy ban nhân dân xã M giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và bị cáo phải chấp hành hình phạt tù nếu cố ý hai lần vi phạm nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: “5. *Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, nên khó có điều kiện thi hành án. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đều khai đã nhận đủ tiền bồi thường thiệt hại, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, không yêu cầu hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của gia đình các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe máy HONDA WINNER X, màu đen - xám, biển kiểm soát 27B1-985.27 thu của bị cáo Quảng Văn T là tài sản mua từ số tiền phạm tội mà có, tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố và xét xử hôm nay các bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, do đó chiếc xe máy này cần trả lại cho bị cáo T sở hữu.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu FPT thu của bị cáo Quảng Văn L, đây là điện thoại được sử dụng làm phương tiện liên lạc trao đổi mua bán tài sản trộm cắp. Do đó cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 hòn đá không rõ hình kích thước dài nhất 20 cm, rộng nhất 10 cm, trọng lượng 2,5 kg, xác định là công cụ cáo Quảng Văn L dùng để giết trâu, không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án lẽ ra phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, tuy nhiên xét thấy các bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, đang cư trú tại xã M, huyện Đ là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quảng Văn L và bị cáo Quảng Văn T.

[8] Các vấn đề khác:

Cơ quan điều tra không đề cập xử lý Lương Văn Q, sinh năm 1980, trú tại bản K, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La và Lương Văn C, sinh năm 1993, trú tại bản T, huyện S, tỉnh S vì những người này không biết tài sản mình mua là do trộm cắp mà có và hiện những tài sản này đã bán đi không thu hồi được, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Cơ quan điều tra không xử lý Cà Thị T, sinh năm 1976, trú tại bản P, xã M, huyện Đ về hành vi không tố giác tội phạm theo khoản 2 Điều 19 của Bộ luật hình sự vì chị T là vợ bị cáo Quảng Văn L, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị Lương Thị X và anh Lầu Sáy C vì không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, là phù hợp.

Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe xe máy biển kiểm soát 27U1-054.48, do bị cáo Quảng Văn L dùng làm phương tiện đi trộm trâu do đã bán cho Cà Văn H, sinh năm 1994, trú tại bản P, xã M, huyện Đ, hiện nay H mang xe đi làm thuê không rõ địa chỉ; đối với con dao nhọn dài khoảng 25-30cm bị cáo Quảng Văn L dùng để giết trộm con trâu của bà Cà Thị K do bị cáo không nhớ để ở đâu nên cũng không thu hồi được và phần da, đầu, chân, nội tạng trâu bị cáo Quảng Văn L cho vào bao tải vứt xuống sông M, khu vực bãi tha ma của bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy. Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với 03 đoạn dây thừng màu trắng các bị cáo Quảng Văn L, Quảng Văn T dùng để bắt trộm trâu đất về bán cho Q và C, số dây thừng trên đi theo đàn trâu nên không thu giữ được, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Quảng Văn L (tên gọi khác: không) phạm tội “ trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Quảng Văn L 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2019.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự và khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Quảng Văn T (tên gọi khác: không) phạm tội “ trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Quảng Văn T 03 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (15/7/2020).

Trả tự do cho bị cáo Quảng Văn T ngay tại phiên tòa.

Giao bị cáo Quảng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Trả lại chiếc xe máy HONDA WINNER X, màu đen - xám, biển kiểm soát 27B1-985.27, số khung RLHKC3715KY040773, số máy KC34E1082051, không có gương chiếu hậu hai bên, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy cho Quảng Văn T, sinh 04/9/2001, trú tại bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu FPT, loại bàn phím nổi, màu đồng - đen, số IMEI: 980029001886798; IMEI: 980029001927790, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 hòn đá không rõ hình kích thước dài nhất 20 cm, rộng nhất 10 cm, trọng lượng 2,5 kg, cho vào một túi nilon màu xanh buộc thắt nút lại, bên ngoài dán một tờ giấy trắng để niêm phong, trên tờ giấy có họ tên và chữ ký của Thao A D, Nguyễn Cảnh T, Lò Văn T, Lò Văn D, Lò Văn T, điểm chỗ ngón trở phải bằng mực đỏ của Quảng Văn L và hình dấu tròn của Công an xã M. Bên ngoài cùng được dán một lớp băng dính trong suốt để bảo vệ.

Vật chứng đã được niêm phong và bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 18/6/2020 giữa cơ quan Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ C.A huyện Đ;
- Phòng NVHS CA huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo; các bị hại;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga

